

Số: /BC-STC

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024

Thực hiện Kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2024, Sở Tài chính báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

#### 1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Xác định thực hiện tốt công tác CCHC sẽ góp phần tích cực vào hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của Ngành, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngay từ đầu năm 2024, Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Tài chính đã quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt và mạnh mẽ công tác này. Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tiễn tại đơn vị, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023<sup>1</sup>. Trên cơ sở bám sát nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch về tuyên truyền cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các đơn vị, địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2024, Sở đã ban hành Kế hoạch của đơn vị<sup>2</sup>. Đồng thời ban hành Kế hoạch chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, tồn tại mà Đoàn thẩm định công tác CCHC năm 2023 đã chỉ ra<sup>3</sup>. Chỉ đạo công chức, viên chức trong ngành đẩy mạnh hoạt động viết tin, bài về công tác CCHC trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, của Sở.

#### 2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Cùng với việc chú trọng phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác CCHC, Sở đã phân công đồng chí Giám đốc Sở trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC, đồng chí Phó Chánh Văn phòng phụ trách và 01 công chức làm đầu mối chịu trách nhiệm tham mưu công tác CCHC. Nhờ đó,

<sup>1</sup> Kế hoạch số 191/KH-STC ngày 11/01/2024 của Sở Tài chính về công tác CCHC năm 2024.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 265/KH-STC ngày 16/01/2024 của Sở Tài chính về tuyên truyền cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các đơn vị, địa phương (DDCI) năm 2024.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 1794/KH-STC ngày 26/4/2024 của Sở Tài chính về khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC, các tiêu chí bị trừ điểm trong đợt thẩm định, đánh giá CCHC của tỉnh năm 2023

công tác CCHC đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận.

- Ban hành các văn bản đôn đốc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác CCHC, thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao năm 2024; xây dựng kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức.

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ theo yêu cầu của UBND tỉnh trên tinh thần giảm số lượng thủ tục hành chính, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ...

- Lồng ghép các nội dung cải cách hành chính trong các cuộc họp giao ban, thảo luận, hội nghị...

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nghiêm túc, kịp thời.

### **3. Về kiểm tra cải cách hành chính**

- Ban hành Kế hoạch số 1120/KH-STC ngày 15/3/2024 về kiểm tra và tự kiểm tra tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy cơ quan, Quy chế làm việc tại các phòng, ban đơn vị; việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Kết luận số 29-KL/TU ngày 22/7/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đề nghị các phòng cập nhật hồ sơ để chuẩn bị kiểm tra việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng Việt Nam TCVN ISO 9001: 2015 tại tất cả các phòng.

- \* Kết quả: Nhìn chung các phòng và Trung tâm đã thực hiện nghiêm túc, hoàn thành các nội dung đăng ký trong 6 tháng đầu năm; các phòng thực hiện thủ tục hành chính đã chú trọng việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- \* Về tình hình thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính: Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 1794/KH-STC ngày 26/4/2024 về khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC, các tiêu chí bị trừ điểm trong đợt thẩm định, đánh giá CHCC của tỉnh năm 2023. Trên cơ sở Kế hoạch số 1794/KH-STC, các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở đã tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế năm và triển khai các nhiệm vụ năm 2024 trong công tác CCHC (*kết quả thực hiện được thống kê theo phụ lục gửi kèm*).

### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Ban hành Kế hoạch số 265/KH-STC ngày 16/01/2024 của Sở Tài chính về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Bám sát kế hoạch, Sở tập trung lồng ghép các nội dung cải cách hành chính vào các cuộc họp, hội nghị, giao ban của ngành, đăng tải các văn bản, nội dung về CCHC trên Cổng thông tin điện tử của Sở và gửi tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức trên phần mềm văn phòng thông minh TD-Office... nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

#### *4.1. Nội dung tuyên truyền*

- Đối với công chức, viên chức, người lao động Sở Tài chính đã tiến hành tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Trung ương và địa phương về công tác cải cách hành chính, cụ thể: trong 06 tháng đầu năm 2024, Sở tập trung tuyên truyền Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2024; tình hình triển khai các nội dung hiện đại hóa hành chính, trọng tâm là xây dựng chính quyền số; tình hình khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; việc triển khai đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; thông tin về kết quả xếp hạng CCHC của tỉnh...

Kế hoạch số 191/KH-STC ngày 11/01/2024 của Sở Tài chính về công tác CCHC năm 2024; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Thông tư 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 về quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ...

Thực hiện Ngày pháp luật hàng tháng, Sở đã tổ chức 05 cuộc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với gần 350 lượt người tham dự. Nội dung phổ biến là các văn bản pháp luật của Trung ương, của tỉnh mới được ban hành, các văn bản liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân sách...

Thường xuyên, đơn đốc các phòng ban, đơn vị rà soát, bổ sung, sửa đổi các TTHC, các quy trình, tiêu chuẩn thuộc HT QLCL TCVN ISO 9001:2015 do phòng quản lý.

Tiếp tục chung tay xây dựng cải cách hành chính trong toàn Sở, công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các quy

định hành chính của UBND tỉnh tại cơ quan; Phối hợp tốt với các sở, ngành, đơn vị thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Tài chính - Ngân sách tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong mối quan hệ với cơ quan hành chính nhà nước; trách nhiệm của CBCC trong giải quyết các công việc của công dân; Tuyên truyền về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở; Các vấn đề cần biết khi thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở... Đồng thời công bố số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ email của cơ quan và cách thức phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định.

#### *4.2. Hình thức tuyên truyền*

Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính đã được thực hiện bằng nhiều hình thức như:

- Rà soát, chấn chỉnh việc công khai TTHC. Thường xuyên cập nhật bộ thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung lên Trang tin điện tử của Sở về CCHC của ngành hoặc trên phương tiện truyền thông khác.

- Tuyên truyền trên trang Website của Sở: Đăng tải trên Website của cơ quan các thông tin nội dung về CCHC của tỉnh, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, địa phương, của ngành và đơn vị về công tác CCHC và gửi tới toàn thể CBCCVC trên phần mềm TD-Office.

- Tuyên truyền thông qua các buổi giao ban, chào cờ đầu tháng nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho đội ngũ CBCCVC, người lao động.

*(Có Phụ lục theo biểu mẫu gửi kèm)*

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, CBCC trực tiếp làm công tác tham mưu phải thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Góp ý kịp thời và chất lượng các dự thảo; nâng cao chất lượng tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản: Nghị quyết; Quyết định; các văn bản tăng cường quản lý nhà nước ngành Tài chính...

- Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật được gửi đến cán bộ pháp chế Văn phòng kiểm tra, soát xét trước khi trình lãnh đạo Sở ký duyệt ban hành. Thực hiện nghiêm túc việc gửi văn bản xin ý kiến

góp ý của các cấp, ngành, đơn vị và trình Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

- Rà soát, lập danh mục văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của ngành trong năm 2023 để tham mưu kịp thời.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế, quy định của cơ quan phù hợp với thực tiễn; thực hiện công khai, minh bạch quy chế làm việc, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh và thực tiễn hoạt động của đơn vị, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC của Sở, trong đó xác định các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến hoạt động chung về kiểm soát TTHC, hoạt động truyền thông, rà soát, đơn giản hóa TTHC, thực hiện cơ chế một cửa và TTHC trên môi trường điện tử của Sở Tài chính.

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục hoạt động hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu của Nhân dân và doanh nghiệp. Việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đặc biệt được chú trọng. Ngay từ đầu năm, Sở đã quán triệt việc thực hiện nhiệm vụ này cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Phòng chuyên môn có giải quyết TTHC thực hiện cập nhật lên phần mềm Hành chính công theo quy định.

Để đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở đã ban hành Kế hoạch triển khai đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân. Theo đó, việc điều tra xã hội học của Sở được thực hiện theo nhiều hình thức. Trên cơ sở tổng hợp kết quả khảo sát, Sở sẽ đề ra các biện pháp để nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới sự hài lòng của khách hàng đạt trên 90%. Trong 6 tháng đầu năm, Sở không nhận được phản ánh, kiến nghị nào về hành vi hành chính và quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng, đơn vị theo nghị định số 107/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thực hiện rà soát và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, đánh giá thực trạng; xây dựng đề án sắp xếp, kiện toàn đơn vị trực thuộc, cơ cấu phòng, trung tâm bên trong đáp ứng các tiêu chí thành lập và số lượng cấp phó theo quy định, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức các phòng, đơn vị thuộc Sở đảm bảo phù hợp năng lực, trình độ chuyên môn và nhiệm vụ; luân chuyển vị trí công tác theo quy định.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc căn cứ Chương trình hành động số 920 và số 1011 của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu; Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo đúng lộ trình tinh giản theo quy định.

#### **4. Cải cách công vụ**

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Ngành tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Ngay từ đầu năm 2024, Sở đã ban hành các Kế hoạch: Đào tạo bồi dưỡng; Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024. Tiếp tục phát động phong trào thi đua “*Công chức, viên chức, người lao động ngành Tài chính Hà Tĩnh thi đua thực hiện văn hóa công sở*” giai đoạn 2019 - 2025 và thực hiện Quy chế văn hóa công sở của Sở Tài chính.

Việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Chỉ thị 35, Kết luận 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 và Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 29/4/2019 của UBND tỉnh đã được chú trọng triển khai thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về lễ lối làm việc, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của công chức, viên chức; Đẩy lùi các hành vi quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, thái độ vô cảm, vô trách nhiệm của công chức, viên chức; Tạo động lực cho mỗi công chức, viên chức không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống, tác phong, lễ lối làm việc, đồng thời tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu CCHC, góp phần xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

Việc cập nhật thông tin công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định 68 vào phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định. Hồ sơ lưu tại Sở được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các thành phần hồ sơ theo quy định, đảm bảo tính chính xác về thông

tin của từng người kể từ khi được tuyển dụng đến khi nghỉ hưu theo chế độ hoặc nghỉ việc tại cơ quan.

## **5. Cải cách tài chính công**

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan nhà nước và sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, ngay từ đầu năm 2023, Sở đã tiến hành rà soát để sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công phù hợp với tình hình của đơn vị. Bên cạnh đó đã tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động tài chính của đơn vị, triển khai nhiều biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tạo thêm nguồn thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động.

Trên cơ sở Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Tài chính đã tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn 01 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công theo đúng quy định. Qua đó, đơn vị đã củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cải tiến lề lối làm việc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tự chủ biên chế, tài chính.

## **6. Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử**

### ***6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị***

Việc ứng dụng các phần mềm theo chỉ đạo của UBND tỉnh được Sở triển khai hiệu quả, nhất là việc thực hiện gửi nhận văn bản thông qua phần mềm gửi nhận văn bản, phần mềm văn bản chỉ đạo điều hành. Sở cũng đã nghiêm túc triển khai thực hiện đúng quy định loại hình văn bản gửi bản điện tử, gửi bản giấy, gửi cả bản giấy và bản điện tử, đồng thời triển khai, ứng dụng chữ ký số trong gửi các văn bản điện tử. Trong 6 tháng đầu năm, 100% văn bản của Sở trên hệ thống gửi nhận văn bản đều có chữ ký số; công chức, viên chức đã sử dụng thường xuyên, hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh. Bên cạnh đó, đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc ký số của Lãnh đạo Sở, Chánh Văn phòng Sở và con dấu của Sở. 100% văn bản đi và 100% văn bản đến đã được quản lý trên hệ thống này, đảm bảo kịp thời và có tính bảo mật cao. Thực hiện việc lập hồ sơ lưu trữ điện tử đối với 100% hồ sơ phát sinh trên phần mềm Hồ sơ công việc theo quy định.

Cổng Thông tin điện tử của Sở đã kịp thời cập nhật các hoạt động chuyên môn, hoạt động đoàn thể, các văn bản, chính sách pháp luật mới của Trung ương, của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, đã cập nhật hơn nhiều tin, bài, văn bản chỉ đạo điều hành, tuyên truyền, giới thiệu về các văn bản pháp luật mới, kết quả công tác cải cách hành chính... lên Cổng Thông tin điện tử.

Các phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm TABMIS tiếp tục được khai thác, sử dụng hiệu quả... Sở cũng đã triển khai thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ và UBND tỉnh.

Thông qua đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, mức độ quan tâm của người dân đối với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cải thiện đáng kể, đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc chuyên môn. Nhờ đó, các nhiệm vụ được giao cho ngành được thực hiện kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra.

### ***6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị***

Việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 tiếp tục được quan tâm thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch CCHC của tỉnh, Kế hoạch ISO của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi, xây dựng mới và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 năm 2024<sup>4</sup>.

Sở tiếp tục rà soát hệ thống tài liệu để cải tiến phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và chỉ đạo việc xây dựng mới, cải tiến tại đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

## **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG QUÝ III/2024**

1. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Kế hoạch liên quan đến công tác CCHC của Ngành. Tăng cường điều tra mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các dịch vụ công do Sở Tài chính cung cấp.

2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo Kế hoạch.

---

<sup>4</sup> Kế hoạch số 326/KH-STC ngày 19/01/2024 của Sở Tài chính về việc duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 năm 2024.



3. Tiếp tục thực hiện Đề án triển khai Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Tiếp tục thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Thực hiện nghiêm chế độ công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.

5. Tăng cường hoạt động tuyên truyền về công tác CCHC, đặc biệt là việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình và sự tham gia của người dân, tổ chức vào việc phản ánh, kiến nghị về những hành vi hành chính không đúng mực, quy định hành chính còn rườm rà, chồng chéo, bất cập để kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

6. Thực hiện nghiêm túc chất lượng và hiệu quả các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý ngân sách Nhà nước.

7. Tiếp tục khai thác, ứng dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, điều hành của tỉnh, phần mềm Quản lý hồ sơ công việc và các phần mềm phục vụ hoạt động chuyên ngành.

8. Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 tại cơ quan Sở.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC 6 tháng đầu năm 2024 của Sở Tài chính và một số nhiệm vụ CCHC trọng tâm trong thời gian tới./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ (b/c);
- Sở TTTT;
- Sở KHCN;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Hiếu**

**PHỤ LỤC I**  
**BÁO CÁO TUYÊN TRUYỀN CCHC**

(Kèm theo Báo có số:       /BC-STC ngày   /6/2024 của Sở Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác tuyên truyền CCHC	Văn bản	16	
02	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC	Cuộc thi	0	
03	Số lượng tin, bài tuyên truyền về CCHC trên các cơ quan báo chí	Tin, bài	01	
04	Số Hội nghị tập huấn tuyên truyền về công tác CCHC	Hội nghị	01	
	Số người tham dự các lớp tập huấn về công tác CCHC	Người	80	
05	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử	Chuyên mục	01	
06	Các hình thức tuyên truyền khác		01	



## PHỤ LỤC II

**Kết quả khắc phục trong 6 tháng đầu năm 2024 đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC  
và các tiêu chí bị trừ điểm trong đợt thẩm định, đánh giá CHCC của tỉnh năm 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /6/2024 của Sở Tài chính)*

TT	Các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC, các tiêu chí bị trừ điểm	Giải pháp khắc phục cụ thể	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện
1	<p><b>Tiêu chí 1: Công tác triển khai cải cách hành chính:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 6,981/10 điểm. Bị trừ các tiêu chí cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 1.1: Thực hiện Kế hoạch CCHC đạt 0/1,5 điểm. Lý do: Đạt 60% (dưới 80%), trên cơ sở đánh giá của BCS Đảng UBND tỉnh và HĐĐT CCHC tỉnh.</li> <li>- Tiêu chí 1.5.1: Sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai nhiệm vụ CCHC được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc tương đương trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề đạt 0/1,5 điểm. Lý do: Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới về CCHC được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc tương đương trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề</li> <li>- Tiêu chí 1.6: Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao đạt 1,481/1,5 điểm. Lý do: Sở Tài chính thực hiện đạt tỷ lệ 98,73%/100%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi xây dựng kế hoạch thực hiện trên các lĩnh vực cần bám sát kế hoạch của tỉnh đồng thời tham mưu triển khai cũng như đôn đốc, kiểm tra các phòng, đơn vị triển khai thực hiện đúng yêu cầu, đầy đủ các nội dung đã đề ra.</li> <li>- Tiếp tục vận động, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nghiên cứu và có sáng kiến về công tác CCHC.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao đầy đủ, đúng hạn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quý I/2023</li> <li>- Thường xuyên</li> <li>- Thường xuyên</li> <li>- Thường xuyên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thành các KH và văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác CCHC đảm bảo thời gian và chất lượng theo yêu cầu.</li> <li>- Đã tuyên truyền, vận động khuyến khích CBCCVV viết sáng kiến CCHC.</li> <li>- Ban hành văn bản số 1059/STC-VP ngày 21/3/2023 đăng ký xây dựng các mô hình sáng kiến, cách làm hay trong cải cách hành chính năm 2023.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao đầy đủ, đúng hạn.</li> </ul>
2	<p><b>Tiêu chí 2: Cải cách thể chế:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 9,75/10,75 điểm. Bị trừ các tiêu chí cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 2.1.5: Công tác tham gia góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến đạt dưới 90% tương đương: 0.5đ/1đ.</li> <li>- Tiêu chí 2.3.1: Tổ chức thực hiện các văn bản QPPL mới ban hành đạt dưới 100% tương đương: 0.5đ/1đ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quy trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện VBQPPL theo đúng quy định.</li> <li>- Tham gia góp ý các dự thảo văn bản kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý đạt chất lượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên</li> <li>- Thường xuyên</li> </ul>	<p>Cho đến thời điểm báo cáo việc tham gia góp ý các dự thảo văn bản đã được thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý đạt chất lượng.</p>
3	<p><b>Tiêu chí 3: Cải cách thủ tục hành chính:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 13,309/14 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 3.2.1: Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC đạt 0.56đ/1đ. Lý do: Tỷ lệ số hóa đạt được là 14/25 hồ sơ, tỷ lệ 56.00%.</li> <li>- Tiêu chí 3.3: Kết quả giải quyết TTHC đạt 2,999đ/3đ. Lý do: Theo số liệu trích xuất tỷ lệ đạt được là 99.97%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường việc thực hiện số hóa hồ sơ TTHC trên hệ thống theo quy định.</li> <li>- Tiếp tục thực hiện việc giải quyết đúng và trước hạn đối hồ sơ TTHC.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên</li> </ul>	<p>Trong 6 tháng đầu năm, Sở Tài chính đã Tăng cường việc thực hiện số hóa hồ sơ TTHC trên hệ thống theo quy định; thực hiện việc giải quyết đúng và trước hạn đối hồ sơ TTHC (không có hồ sơ TTHC chậm, muộn).</p>

4	<b>Tiêu chí 4: Cải cách tổ chức bộ máy:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 10/10,5 điểm. Bị trừ các tiêu chí cụ thể sau: - Tiêu chí 4.1.3: Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo sở/ban/ngành, số lượng lãnh đạo cấp phòng và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc đạt 2đ/2,5đ. Lý do: Số lượng lãnh đạo cấp phòng và các đơn vị trực thuộc chưa đảm bảo đúng quy định: - 0.5đ.	Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng quy định	Thường xuyên	
---	--	---	--------------	--

5	<p><b>Tiêu chí 5: Cải cách chế độ công vụ:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 14,687đ/16 điểm. Bị trừ tiêu chí cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 5.4: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đạt 0,987đ/1đ. Lý do: có 01 viên chức tại Trung tâm tư vấn dịch vụ tài chính công (đ.c Bùi Sơn) xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (75/76=98.684%);</li> <li>- Tiêu chí 5.6: Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định (bao gồm cả việc luân chuyển, điều động công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) đạt 0,75đ/1đ. Lý do: Trong năm thực hiện chuyển đổi và điều động 9 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo theo kế hoạch; bổ nhiệm do sáp nhập phòng 5/10 công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Do đó đạt tỷ lệ 75% (bị trừ 0.25đ);</li> <li>- Tiêu chí 5.7.2: Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đạt 0,95đ/1đ. Lý do: Soát xét đối tượng liên quan đến các lớp tập huấn theo Kế hoạch của tỉnh, văn bản giải trình. Hội đồng thẩm định đánh giá không hoàn thành 100% theo kế hoạch (bị trừ 0,05đ);</li> <li>- Tiêu chí 5.8.2.1: Trong năm KHÔNG CÓ văn bản phê bình của cấp trên đạt 0đ/0,5đ. Lý do: Trong năm 2023, Sở Tài chính có văn bản phê bình của UBND tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ được giao (Văn bản số 5333/UBND-KT ngày 28/09/2023 liên quan đến phòng TCĐT, GCS&amp;TCDN; Văn bản số 794/UBND-VX1 ngày 27/02/2023 do tham dự họp không đúng thành phần);</li> <li>- Tiêu chí 5.8.2.2: Thực hiện kiểm điểm, kỷ luật đạt 0.5đ/1đ. Lý do: Trong năm 2023, Sở Tài chính có văn bản của UBND tỉnh phê bình và đề nghị kiểm điểm, xử lý kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở có liên quan trong chậm tham mưu cấp kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 44/2021/NQHĐND của HĐND tỉnh, trong triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Thạch Hà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.</li> <li>- Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định (bao gồm cả việc luân chuyển, điều động công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý).</li> <li>- Cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh khi có yêu cầu.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đúng hạn, đảm bảo chất lượng.</li> <li>- Thực hiện tự kiểm tra đột xuất kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo quy định.</li> </ul>	Thường xuyên	
---	--	---	--------------	--

6	<p><b>Tiêu chí 6: Cải cách tài chính công:</b> Đoàn thẩm định đánh giá đạt 11,5đ/13 điểm. Bị trừ tiêu chí cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 6.3.1: Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên đạt 0đ/0,5đ do không có thêm đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên;</li> <li>- Tiêu chí 6.3.2: Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên đạt 1đ/1,5đ do Sở Tài chính có 1 đơn vị SN, mức độ tự chủ 37% (bị trừ 0,5 điểm);</li> <li>- Tiêu chí 6.3.5: Tham mưu, xây dựng ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý (theo phân cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương) đạt 0,5đ/1đ. Lý do: Đã tham mưu xây dựng, ban hành nhưng chưa đầy đủ.</li> </ul>	<p>Tham mưu, xây dựng ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý (theo phân cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương) đầy đủ, kịp thời.</p>	<p>Thường xuyên</p>	<p>Cho đến thời điểm báo cáo Trung tâm tư vấn và dịch vụ tài chính đã tham mưu, xây dựng ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh theo quy định (Tờ trình số 2216/TTr-STC ngày 27/5/2024).</p>
---	---	--	---------------------	---

7	<p><b>Tiêu chí 7: Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số</b>  <b>Tiêu chí 7a: Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số</b>  Đoàn thẩm định đánh giá đạt 14,682/16 điểm. Bị trừ các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 7a.1.2: Triển khai nền tảng số phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 0đ/0,5đ. Lý do: Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định TLKC chưa chứng minh được việc kiểm tra, giám sát theo nghiệp vụ QLNN được thực hiện trên môi trường số.</li> <li>- Tiêu chí 7a.3.1: Công TTĐT có đầy đủ các loại, mục thông tin cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; kết nối Trang thông tin của đơn vị trực thuộc vào Cổng thông tin điện tử của cơ quan đạt 91.5% tương đương 1.373đ/1.5đ (bị trừ 0.127đ).</li> <li>- Tiêu chí 7a.3.2.2: Tỷ lệ số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 1.313đ/1.5đ. Lý do: Văn phòng UBND tỉnh thẩm định từ tháng 11 chỉ có 1/2 TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến. Tuy vậy kiểm tra trước tháng 10/2023 là 7/8 DVCTTT phát sinh hồ sơ trực tuyến (bị trừ 0.187đ)</li> <li>- Tiêu chí 7a.3.2.3: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 1.996đ/2đ (đạt dưới 100%) bị trừ 0.004đ.</li> </ul> <p><b>Tiêu chí 7b: Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015</b>  Đoàn thẩm định đánh giá đạt 4,5đ/5 điểm. Bị trừ các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí 7b.2.1.2: Đánh giá việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ theo ISO TCVN 9001:2015 tại đơn vị đạt 0.25đ/0.5đ (thông qua bốc mẫu hồ sơ tại chỗ đáp ứng từ 70% - &lt;90%);</li> <li>- Tiêu chí 7b.2.3.3: Đánh giá việc tuân thủ quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (thông qua kiểm tra trực tiếp trên Cổng/hệ thống (đã loại trừ các hồ sơ quá hạn ở 7b.2.3.1) đạt 0.25đ/0.5đ (Hội đồng thẩm định đánh giá qua theo dõi hệ thống đạt từ 70 - &lt;100%).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử, thêm mục thống kê số liệu về ngành; thường xuyên viết tin bài đăng lên Cổng; các dự án, góp ý, sáng kiến, văn bản chỉ đạo điều hành... đăng tải kèm thêm một số thông tin cơ bản theo Quyết định 2694/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND tỉnh; bổ sung chức năng Hỗ trợ người khuyết tật tiếp nhận thông tin.</li> <li>- Tiếp tục tuyên truyền việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử mức độ 3,4 và giải quyết TTHC thông qua dịch vụ BCCI</li> <li>- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên</li> <li>- Thường xuyên</li> <li>- Thường xuyên</li> </ul>	
---	--	---	--	--



**PHỤ LỤC III**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày /6/2024 của Sở Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	38 nhiệm vụ trọng tâm
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	19	Các nhiệm vụ còn lại đang triển khai
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	16	
1.2.	Kiểm tra CCHC	Cuộc		Chưa kiểm tra vì thực hiện theo Kế hoạch
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	273	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	224	Số nhiệm vụ còn

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				lại đang thực hiện trong hạn
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	Theo Kế hoạch sẽ khảo sát vào quý IV
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	02	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	06	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	05	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	01	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	0	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC	Thủ tục	06	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	06	
3.2.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn, đúng quy trình	%	100%	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số tổ chức liên ngành do các Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị	01	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	01	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	63	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	59	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	03	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	23	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 0 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành hoặc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành hoặc thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1.</b>	<b>Ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.1.1	Chất lượng Cổng thông tin điện tử	Theo QĐ 2394/QĐ-UBND của UBND tỉnh 2394/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Đảm bảo	
7.1.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 0 3 cấp = 0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.3	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		Chưa có hướng dẫn kết nối
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.1.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong CQNN được phê duyệt theo cấp độ: Tỷ lệ = số hệ thống thông tin được phê duyệt theo cấp độ/tổng số hệ thống thông tin CQNN thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn	Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa		
7.1.6	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.1.6.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh	%	100%	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	(Trừ Văn bản mật)
7.1.6.2	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0%	(Trừ Văn bản mật)
Trong đó	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.7.1	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7.2	Dịch vụ công trực tuyến			
7.1.7.3	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	02	
7.1.8	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	03	
7.1.8.1	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.1.8.2	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		
7.1.8.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích			Đã thực hiện
7.1.8.4	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.1	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.2	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.1.9.3	Ban hành các văn bản (Kế hoạch, Quyết định, Công văn...) liên quan đến việc xây dựng áp dụng, duy trì cải tiến ISO 9001 tại cơ quan và tại các đơn vị (địa phương) trực thuộc	Văn bản	02	
<b>7.2</b>	<b>Việc áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị/địa phương trực thuộc</b>			
7.2.1	Số đơn vị trực thuộc đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị	02	
7.2.2	Số đơn vị trực thuộc triển khai mới trong năm	Đơn vị	0	
7.2.2.1	Việc ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại cơ quan		01	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.2.2	Ban hành danh mục tài liệu HTQLCL; Công bố/công bố lại khi có sự mở rộng, thu hẹp hệ thống theo quyết định 19/2014/QĐ-TTg	Quyết định	0	
7.2.3	Tổng số quy trình nội bộ TTHC được áp dụng tại cơ quan			
7.2.3.1	Số lần thay đổi quy trình nội bộ thủ tục hành chính trong quý/6 tháng/năm	Lần	0	
7.2.3.2	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc đang được áp dụng tại cơ quan	Quy trình		
7.2.3.3	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc được xây dựng trong quý/6 tháng/năm	Quy trình	0	
7.2.3.4	Ban hành mục tiêu chất lượng và đánh giá việc thực hiện			
7.2.3.5	Số lượng chỉ tiêu được đưa vào mục tiêu chất lượng của cơ quan trong năm	Chỉ tiêu		
7.2.4	Đánh giá mức độ đạt được các chỉ tiêu đã đề ra trong quý/6 tháng/năm	%	100%	
7.2.4.1	Việc vận hành và áp dụng quy trình trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			Thực hiện theo đúng quy định
7.2.4.2	Số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng quy trình nội bộ TTHC	Hồ sơ		
7.2.5	Số hồ sơ giải quyết công việc được thực hiện theo quy trình giải quyết công việc	Hồ sơ		
7.2.5.1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC và giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình	%	100%	
7.2.5.2	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu		Thực hiện	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
			theo quy định	
7.2.5.3	Số lượng cập file hồ sơ, tài liệu được tạo lập mới	Cập file	23	
7.2.6	Tỷ lệ % hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ theo đúng quy định về ISO (theo hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản)	%	100%	
7.2.6.1	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ			
7.2.6.2	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận được đánh giá	%	100%	
7.2.7	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận có kết quả đánh giá đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn	%	100%	